TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2021/DS-ST
Ngày: 23 - 02 - 2021
"Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính
Các vị Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Tấn Liêm
2. Ông Nguyễn Văn Mầm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1960 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp Lý Ấn, xã Hưng Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: 1. Ông Trịnh Tấn Ph, sinh năm 1960 (Vắng mặt)
2. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1976 (Vắng mặt)
Cùng trú: ấp Thị Tường A, xã Hưng Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2020 và các lời trình bày tại Tòa án bà Nguyễn Thị Bé T (Nguyên đơn) trình bày như sau:

Vào ngày 25/6/2020 âl vợ chồng ông Trịnh Tấn Ph, bà Phạm Thị N có đến nhà tôi hỏi vay số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), lãi suất 2%/tháng.

Đến ngày 01/7/2020 âl vợ chồng ông Trịnh Tấn Ph, bà Phạm Thị N có đến nhà tôi hỏi vay thêm số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), lãi suất 4.000.000 đồng/tháng.

Từ khi vay đến nay vợ chồng ông Trịnh Tấn Ph, bà Phạm Thị N không trả vốn, lãi. Tôi đã nhiều lần đến đòi thì vợ chồng ông Trịnh Tấn Ph, bà Phạm Thị N hẹn lần, hẹn lựa mà không trả tiền cho tôi.

Nay bà Bé T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C xem xét giải quyết buộc vợ chồng ông Trịnh Tấn Ph, bà Phạm Thị N phải trả số tiền vốn là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 25/6/2020 âl theo quy định của pháp luật cho đến ngày Tòa án giải quyết vụ án.

Đối với bị đơn ông Trịnh Tấn Ph, bà Phạm Thị N. Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số: 991/TB-TLVA ngày 11/12/2020 nhưng ông Trịnh Tấn Ph, bà Phạm Thị N đều không có ý kiến bằng văn gửi Tòa án nhân dân huyện C, cũng không có đơn yêu cầu phản tố.

Ngoài ra, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Trịnh Tấn Ph, bà Phạm Thị N. Tuy nhiên, ông Trịnh Tấn Ph, bà Phạm Thị N đều vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được. Ông Trịnh Tấn Ph, bà Phạm Thị N cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trịnh Tấn Ph, bà Phạm Thị N đã được Tòa án niêm yết giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Trịnh Tấn Ph, bà Phạm Thị N không đến để trình bày ý kiến của mình cũng như không tham gia phiên họp, phiên hòa giải và xét xử xem như đương sự đã tự từ bỏ thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Trịnh Tấn Ph, bà Phạm Thị N là phù hợp.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T với bị đơn là ông Trịnh Tấn Ph, bà Phạm Thị N "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] Xétt nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bà Bé T vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Tấn Ph, bà Phạm Thị N trả cho bà số tiền vốn là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) đồng đã vay ngày 25/6/2020 âl và ngày 01/7/2020 âl. Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tình tiết không phải chứng minh. Do ông Trịnh Tấn Ph, bà Phạm Thị N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Bé T khởi kiện.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Bé T đã cung cấp giấy biên nhận nợ mà ông Ph, bà N đã ký nhận. Sau khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng ông Ph, bà N không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc ông Ph, bà N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) đồng.

[4] Xét yêu cầu tính lãi suất của bà Bé T thấy rằng: Tại biên nhận nợ của ông Ph, bà N ngày 25/6/2020 âl lãi suất 2%/tháng; biên nhận nợ của ông Ph, bà N ngày 01/7/2020 âl lãi suất 4.000.000đ/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Bé T yêu cầu ông Ph, bà N trả lãi suất theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử lấy mốc thời gian từ ngày ngày 25/6/2020 âl (tức là ngày 14/8/2020dl) đến ngày xét xử (ngày 23/02/2021) làm căn cứ tính lãi suất là phù hợp. Hội đồng xét xử xét thấy, do hợp đồng vay tài sản giữa bà Bé T và ông Ph, bà N có thỏa thuận lãi suất nhưng khi đến hạn anh Ph không trả đầy đủ nên lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, cụ thể:

Số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 14/8/2020 đến ngày 23/02/2021 là 06 tháng 09 ngày, được tính như sau: 400.000.000 đồng x 20%/năm (= 1.6666 %/tháng) x 06 tháng 09 ngày = 41.999.000 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi buộc ông Ph, bà N trả cho bà Bé T là 400.000.000 đồng + 41.999.000 đồng = 441.999.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi mốt triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng).

[5] Về án phí: Ông Trịnh Tấn Ph, bà Phạm Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 91, 144, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé T.

1. Buộc ông Trịnh Tấn Ph, bà Phạm Thị N trả cho bà Nguyễn Thị Bé T số tiền 441.999.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi mốt triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả thêm số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tương ứng với thời gian chậm trả được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự: Ông Trịnh Tấn Ph, bà Phạm Thị N phải chịu 21.679.960 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà Nguyễn Thị Bé T không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Ph, bà N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Bé Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện C;*
- *THADS huyện C;*
- *Các Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Huỳnh Minh Tính